

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/4/2021

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Hoàng Lan Chi**

*Các Hội thẩm nhân dân:* **1. Bà Nguyễn Thị Xuân Phương**  
**2. Ông Đinh Thiện Tụy**

**- Thư ký phiên tòa: **Bà Phạm Thị Thanh Thủy** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa: **Bà Hoàng Thị Hoài Phương** – Kiểm sát viên.**

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 795/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 về việc: Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* **Anh Nguyễn Anh T** – Sinh năm: 197X

*Bị đơn:* **Chị Cát Âu C** – Sinh năm: 197X

Cùng hộ khẩu thường trú và trú tại: Số 6 phố Y, phường P, quận H, Hà Nội.  
(*Anh T có mặt, chị C vắng mặt tại phiên tòa*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại Đơn xin ly hôn ngày 05/11/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – anh Nguyễn Anh T trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị Cát Âu C lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 20/8/2001 tại UBND phường P, quận H, Hà Nội trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà của bố mẹ đẻ anh là số 6 phố Y, phường P, quận H, Hà Nội. Quá trình chung sống, đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách khác nhau, bất đồng quan điểm về cách sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, chị C hay ghen tuông vô cớ,

không tôn trọng, không tin tưởng chồng, anh có những mối quan hệ làm ăn với bạn bè bên ngoài thì chị C thường suy diễn là anh có quan hệ với người phụ nữ khác. Từ đó dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng thêm căng thẳng. Tháng 5/2020 anh đã làm đơn xin ly hôn nhưng được Tòa án khuyên giải, chị C cũng xin lỗi anh, mong anh rút đơn ly hôn để tạo cơ hội cho vợ chồng khắc phục mâu thuẫn, vì vậy anh đã rút đơn ly hôn để vợ chồng tìm hướng giải quyết. Tuy nhiên, sau khi anh rút đơn ly hôn, tình trạng vợ chồng vẫn không cải thiện được mà mâu thuẫn càng căng thẳng, trầm trọng hơn, vợ chồng không nói chuyện, không chia sẻ được với nhau những việc lớn nhỏ trong gia đình, việc ai người đó làm, không ai quan tâm đến ai, kinh tế cũng riêng biệt. Vợ chồng xảy ra cãi vã, xô xát nên từ tháng 10/2020 anh đã phải ra khỏi nhà, đi thuê nhà ở riêng cho đến nay để tránh va chạm nhau, vợ chồng đã sống ly thân, không ở cùng nhau vì cuộc sống chung quá căng thẳng, ngột ngạt. Vì vậy, anh buộc phải làm đơn xin ly hôn để giải phóng cho cả hai và chấm dứt cuộc hôn nhân này. Trước khi anh nộp đơn xin ly hôn đơn phương ra Tòa án thì chị C cũng đã đồng ý ly hôn và ký đơn thuận tình ly hôn nhưng sau đó chị C lại thay đổi, không muốn ly hôn nữa. Anh đã suy nghĩ kỹ và xác định không thể níu kéo được, anh đã cố gắng tạo cơ hội cho cả hai nhưng không có kết quả, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị C để cả hai được ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh và chị C có hai con chung là Nguyễn Cát Quỳnh T, sinh ngày 25/11/200X và Nguyễn Cát Cẩm H, sinh ngày 14/10/200X. Cháu T đã đủ tuổi trưởng thành, sức khỏe bình thường, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu H, anh không yêu cầu chị C đóng góp nuôi con chung. Hiện anh đang làm nghề tự do (bán hàng), thu nhập khoảng 10 triệu đồng/tháng. Nếu chị C có nguyện vọng nuôi con thì anh cũng đồng ý, anh tự nguyện đóng góp nuôi con là 5 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung, nhà ở chung: Anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai, không cho ai vay nợ, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Tại Bản tự khai ngày 18/12/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – chị Cát Âu C trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 20/8/2001 tại UBND phường P, quận H, Hà Nội trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại số 6 phố Y, phường P, quận H, Hà Nội. Chị C xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, phần lớn là do lỗi của chị quá ghen tuông, không kiểm soát được hành động của mình khi anh T có

những mối quan hệ bên ngoài, làm cho vợ chồng mâu thuẫn, cãi vã nhau, gây ra hiềm khích với chồng. Tháng 5/2020 anh T làm đơn xin ly hôn, Tòa án hòa giải nên anh T đã rút đơn về. Sau thời gian đó, vợ chồng vẫn không cải thiện được tình cảm, vợ chồng không có sự tin tưởng nhau, anh T không tôn trọng chị, vợ chồng không nói chuyện với nhau, anh T chặn điện thoại của chị. Cách đây khoảng 3 tháng, anh T đã chuyển ra ngoài sinh sống, ở nhà chỉ có ba mẹ con chị ở cùng mẹ anh T. Chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn căng thẳng, tuy nhiên vợ chồng sống với nhau đã gần 20 năm, con cái đã lớn, chị không muốn ly hôn làm ảnh hưởng đến cuộc sống của hai con. Đối với chị, gia đình vẫn là quan trọng nhất, hiện tại chị vẫn chăm sóc hai con, nguyện vọng của chị là không muốn ly hôn, không muốn gia đình ly tán, con cái không có bố hoặc mẹ. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung là Nguyễn Cát Quỳnh T, sinh ngày 25/11/200X và Nguyễn Cát Cẩm H, sinh ngày 14/10/200X. Hiện tại sức khỏe các cháu bình thường, các cháu đang ở cùng chị, cháu T đã đủ tuổi trưởng thành, cháu H đang học lớp 11. Nếu trường hợp phải ly hôn, chị có nguyện vọng được ở cùng hai con và đề nghị anh T trợ cấp tiền ăn học hàng tháng cho các con. Hiện chị là nhân viên đang làm việc tại Trường V, thu nhập bình quân 03 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung, nhà ở chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai, không cho ai vay nợ, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

#### **Tại phiên tòa:**

Nguyên đơn – anh T vẫn giữ nguyện vọng xin ly hôn. Anh T xác định không còn tình cảm với chị C, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu và ngày càng trầm trọng, căng thẳng hơn, vợ chồng không còn lòng tin ở nhau, không có sự tôn trọng lẫn nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2020 đến nay, không có sự quan tâm đến nhau, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, cuộc sống vô cùng mệt mỏi, nặng nề, mâu thuẫn kéo dài không giải quyết được. Đây là lần thứ hai anh nộp đơn xin ly hôn ra Tòa án. Anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị C để được ổn định cuộc sống. Về con chung, tài sản chung, nhà ở chung, công nợ, anh vẫn giữ ý kiến như đã trình bày. Ngoài ra anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng quy định, đảm bảo thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham

gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn có lời khai không đồng ý ly hôn nhưng không đến Tòa án giải quyết vì vậy Tòa án không tiến hành hoà giải được vụ án ly hôn. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện và xét xử theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T. Về con chung, cháu Nguyễn Cát Quỳnh T đã đủ tuổi trưởng thành, sức khỏe bình thường, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Giao con chung là Nguyễn Cát Cẩm H cho chị C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ tháng 04 năm 2021 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 04/2021 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Về tài sản chung, nhà ở chung, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về công nợ, anh chị xác nhận không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về án phí, anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **[1] Về tố tụng:**

Tại Đơn xin ly hôn thể hiện bị đơn có nơi cư trú tại số 6 phố Y, phường P, quận H, Hà Nội, vì vậy Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân gia đình trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng đã ra Thông báo hòa giải, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự theo quy định của pháp luật, nhưng chị C không có mặt do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án hôn nhân gia đình.

Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho chị Cát Âu C theo quy định pháp luật nhưng chị C vẫn vắng mặt lần hai không có lý do chính đáng, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị C là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

### **[2] Về nội dung vụ án:**

2.1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Anh T và chị Cát Âu C lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 20/8/2001 tại UBND phường P, quận H, Hà Nội trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân của anh T và chị C:

Anh T và chị C đều xác nhận quá trình chung sống đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm về cách sống, vợ chồng không có sự tin tưởng nhau trong cuộc sống, chị C hay ghen tuông, nghi ngờ anh T có quan hệ với người phụ nữ khác khi anh T có những mối quan hệ làm ăn với bạn bè bên ngoài dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau làm cho cuộc sống chung căng thẳng, mệt mỏi, nặng nề và đó cũng là nguyên nhân dẫn đến việc anh T xin ly hôn.

Tháng 5/2020 anh T đã nộp đơn xin ly hôn và được Tòa án hòa giải nên anh T rút đơn về, Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, kể từ sau thời gian đó, tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được mà mâu thuẫn càng căng thẳng, trầm trọng hơn, vợ chồng không nói chuyện, không chia sẻ được với nhau những việc lớn nhỏ trong gia đình, việc ai người đó làm, không ai quan tâm đến ai, kinh tế cũng riêng biệt. Từ tháng 10/2020 anh T đã chuyển đi nơi khác sống để tránh va chạm nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay do cuộc sống chung quá căng thẳng, ngột ngạt. Vì vậy anh T lại nộp đơn xin ly hôn lần thứ hai ra Tòa án. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị C để cả hai được ổn định cuộc sống.

Trước khi anh T nộp đơn xin ly hôn đơn phương ra Tòa án thì chị C cũng đã đồng ý ly hôn và ký đơn thuận tình ly hôn nhưng sau đó chị C lại thay đổi, không đồng ý ly hôn nữa. Chị C cũng thừa nhận những mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân như anh T trình bày, chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn căng thẳng, tuy nhiên, vợ chồng sống với nhau gần 20 năm, con cái đã lớn, chị không muốn ly hôn làm ảnh hưởng đến cuộc sống của hai con, vì vậy chị đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, chị C không đồng ý ly hôn.

Mặc dù chị C đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng được đoàn tụ nhưng quá trình giải quyết, Tòa án đã nhiều lần báo chị C đến Tòa án để hòa giải nhưng chị C không đến do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được. Bản thân chị C không đồng ý ly hôn nhưng chị cũng không tìm biện pháp tích cực để cải thiện tình cảm vợ chồng, để khắc phục mâu thuẫn.

Tài liệu do Tòa án thu thập chứng cứ tại địa phương nơi anh T, chị C sinh sống thể hiện: Quá trình anh chị chung sống, thời gian trước thì không xảy ra vấn đề gì, đến khoảng hơn một năm trở lại đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi cọ nhau, tổ dân phố có sang nhắc nhở và khuyên giải nhưng không có kết quả, tình trạng vợ chồng vẫn căng thẳng. Hiện anh T đã chuyển đi nơi khác ở, không sống chung cùng chị C.

Hội đồng xét xử xét thấy, lời khai của anh chị về mâu thuẫn vợ chồng cũng phù hợp với tài liệu Tòa án thu thập chứng cứ tại địa phương nơi anh chị sinh sống. Xét tình trạng hôn nhân của anh T và chị C là căng thẳng, mâu thuẫn đã trầm trọng

không giải quyết khắc phục được, cuộc sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không chung sống với nhau, đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không thực hiện các nghĩa vụ tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị C không đồng ý ly hôn nhưng chị không tìm giải pháp tích cực nào để cải thiện mối quan hệ vợ chồng, vì vậy ý kiến của chị C không có cơ sở chấp nhận.

2.2. Về con chung: Anh T và chị C có hai con chung là Nguyễn Cát Quỳnh T, sinh ngày 25/11/200X và Nguyễn Cát Cẩm H, sinh ngày 14/10/200X.

Cháu T đã đủ tuổi trưởng thành, sức khỏe bình thường, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với cháu H, hiện cháu đang ở cùng chị C. Anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu H, anh không yêu cầu chị C đóng góp nuôi con chung. Hiện anh đang làm nghề tự do (bán hàng), thu nhập khoảng 10 triệu đồng/tháng. Nếu chị C có nguyện vọng nuôi con thì anh cũng đồng ý, anh tự nguyện đóng góp nuôi con là 05 triệu đồng/tháng. Chị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh T đóng góp nuôi con. Hiện chị là nhân viên đang làm việc tại Trường V, thu nhập bình quân 03 triệu đồng/tháng. Tại Đơn đề nghị ngày 04/3/2021 cháu Nguyễn Cát Cẩm H có nguyện vọng được ở với mẹ.

Xét, việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi dưỡng khi ly hôn cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Chị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, anh T cũng đồng ý. Do vậy, Hội đồng xét xử giao con chung là Nguyễn Cát Cẩm H cho chị C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu là phù hợp với nguyện vọng của chị C, anh T và cháu H và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh T tự nguyện đóng góp nuôi con chung là 5.000.000 (Năm triệu) đồng/tháng là phù hợp với khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung và nhà ở chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2.4. Về công nợ: Anh chị xác định không nợ chung ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Ngoài ra anh T, chị C không yêu cầu giải quyết vấn đề nào khác nên Hội đồng xét xử không xét.

2.5. Về án phí và quyền kháng cáo:

Anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh T, chị C có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

***Từ những nhận định trên,***

### **QUYẾT ĐỊNH**

*Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; Điều 72; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;*

*- Căn cứ Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;*

*- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 khoản 1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.*

#### **Xử:**

**1.** Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Anh T đối với chị Cát Âu C. Anh T được ly hôn chị C.

**2. Về con chung:** Anh T và chị C xác nhận có hai con chung tên là Nguyễn Cát Quỳnh T, sinh ngày 25/11/200X và Nguyễn Cát Cẩm H, sinh ngày 14/10/200X.

Con chung là Nguyễn Cát Quỳnh T đã đủ tuổi trưởng thành, sức khỏe bình thường, anh chị không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Giao con chung là Nguyễn Cát Cẩm H cho chị C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ tháng 04 năm 2021 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 (Năm triệu) đồng/tháng kể từ tháng 04 năm 2021 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

**3. Về tài sản chung, nhà ở chung:** Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

**4. Về công nợ:** Anh chị xác nhận không nợ chung ai và không cho ai vay nợ, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

**5. Về án phí:** Anh Nguyễn Anh T phải chịu số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp

theo Biên lai số AA/2019/0003799 ngày 03/12/2020 của Cơ quan Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh Nguyễn Anh T, vắng mặt chị Cát Âu C. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Q.Hai Bà Trưng;
- TAND TP.Hà Nội;
- VKSND TP.Hà Nội;
- Chi cục THADS Q.Hai Bà Trưng;
- UBND phường P, quận H, Hà Nội.  
(Giấy chứng nhận kết hôn số 51, quyển số 01/2001 ngày 20/8/2001).
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Lan Chi**